

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 10

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỶ KHEO

Đoạn 4: NÓI VỀ 30 PHÁP NI TÁT KỲ BA DẠ ĐỀ (tiếp theo)

18-GIỚI CẦM CỦA TIỀN VÀNG BẠC

Khi Phật an trú tại vườn Trúc Ca-lan-đà ở thành Vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, thôn trưởng của thôn Châu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, rồi đứng qua một bên, bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Trước đây các vị Đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ, Trưởng giả họp tại cung điện Vua cùng nhau nghị luận. Có người thì nói Sa-môn Thích tử nên cất giữ vàng bạc. Có người thì nói không nên cất giữ. Vậy ai nói thật, nói đúng pháp, nói tùy thuận pháp, nghị luận không trái nghịch với phép tắc hiện tại?”

Phật đáp: “Sa-môn Thích tử không nên cất giữ vàng bạc. Nếu có ai nói nên cất giữ, thì đó là phỉ báng ta, không thật, không đúng pháp, không tùy thuận, là lời nghị luận trái với phép tắc hiện tại. Vì sao vậy? Vì nếu được cất giữ vàng bạc thì cũng được duy trì năm dục. Năm dục là: Mắt phân biệt sắc pháp sinh ra ái nhiễm, cho đến thân xúc chạm sinh ra ái nhiễm. Phải biết rằng đó không phải là pháp của Sa-môn Thích tử”.

Vị thôn trưởng nói: “Thật là kỳ lạ, bạch Thế Tôn! Chưa từng có việc như thế. Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói Sa-môn Thích tử không nên cất giữ vàng bạc. Nếu cất giữ vàng bạc thì không phải pháp của Sa-môn, không phải pháp của dòng họ Thích. Vì thế, nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Con là đệ tử tại gia của Phật, xa lìa sát sinh, Thế Tôn hãy chứng minh cho con. (nói như thế ba lần) cho đến: Không uống rượu. Trước đây con đã suy nghĩ: Sa-môn Thích tử không nên cất giữ vàng bạc. Nếu ai cất giữ thì chẳng khác gì người hưởng thụ ngũ dục”.

Bấy giờ, Thế Tôn liền tùy nghi thuyết pháp chỉ dạy thôn trưởng khiến ông được lợi ích, hoan hỷ, giống như tấm lụa sạch dễ thấm màu nhuộm. Ông liền thấy được lý Tứ Đế ngay tại chỗ ngồi, bèn bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Người thế tục có nhiều công việc, con xin từ biệt trở về”.

Phật nói: “Ông nên tự biết đúng lúc”.

Ông liền đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, nhiều bên phải rồi ra đi.

Sau khi ông đi không bao lâu Phật bèn đến chỗ có đông Tỳ-kheo trải tọa cụ ngồi, nói với các Tỳ-kheo: “Vừa rồi thôn trưởng thôn Chu La đến chỗ ta (như trên đã nói cho đến) nhiều bên phải rồi ra đi”.

Đoạn Phật nói với các Tỳ-kheo: “Các thầy phải học như sau: “Không được cất giữ vàng bạc. Ta không có lý do gì được phép cất giữ vàng bạc”.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Thế Tôn vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng ở của các Tỳ-kheo một lần. Ngài đến chỗ ở của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà. Khi ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà vừa đếm tiền nên tay bị dính đất, liền đi đến đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi: “Tay các thầy vì sao dính đất như thế?”.

Họ liền đáp: “Bạch Thế Tôn! Con vừa đếm tiền, nên tay bị dính đất”.

Phật liền nói với Nan-đà: “Vì sao các thầy lại dùng tay để cầm “Sinh sắc”, “Tợ sắc”?”.

“Từ nay ta không cho phép các thầy tự tay cầm “Sinh sắc” “Tợ sắc”.

Lại nữa, khi Phật an trú tại tinh xá có lầu gác trong rừng lớn nơi thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Khi ấy, Ưu-đà-di đến giờ khát thực, bèn khoác y, cầm bát đi tới nhà một người thợ hồ. Nhà ông này vừa làm lễ khánh hạ xong, bà vợ bèn bước ra nghênh đón làm lễ, hỏi: “Tôn giả, hôm qua vì sao không đến? Nếu đến thì đã được thức ăn uống ngon rồi”.

Thầy liền đáp: “Hôm qua, bữa nay thì có sao đâu? Nếu có thức ăn ngon thì hãy mang ra đây”.

Bà liền nói: “Thức ăn ngon hết rồi, nay con xin gửi tiền để Tôn giả đến quán ăn mua thức ăn ngon khác”.

Thầy nói: “Đức Thế Tôn chế giới, không cho ta tự tay cầm tiền. Bà hãy đem tiền buộc vào chéo y của ta”.

Bà theo lời chỉ bảo, đem tiền buộc vào chéo y, rồi thầy ra đi, đến một quán bán bánh, nói với chủ quán: “Lão trượng, hãy mang bánh cho tôi”.

Ông ta nói: “Tôn giả cho tôi xem tiền đã”.

Ưu-đà-di nói: “Ông chỉ cần đưa bánh cho ta, ta sẽ trao tiền cho ông ngay tại đây thôi”.

Ông liền nói: “Tôn giả hãy đưa bát ra”.

Thế rồi, ông liền đem các thứ bánh bỏ vào đầy bát, và nói: “Xin đưa tiền cho tôi”.

Ưu-đà-di bảo: “Ông hãy mở chéo y của tôi ra mà lấy”.

Ông chủ quán muốn đùa cợt nên không chịu mở, nói: “Ông hãy tự mở lấy đưa cho tôi”.

Ưu-đà-di đáp: “Phật không cho phép tôi cầm sinh sắc, tợ sắc, ông hãy tự mở lấy”.

Ông ta bèn mở lấy. Lấy xong, chê trách: “Vì sao Sa-môn Thích tử lại dùng phương tiện sơ sài này, xem đây là thanh tịnh. Chúng ta cũng ít khi dùng tay cầm nắm và đặt vào trong miệng, cũng chẳng khi nào buộc vào chéo áo hoặc bỏ vào trong túi. Thế này thì mất hết phép tắc Sa-môn, nào có đạo hạnh gì?”.

Thế rồi, Ưu-đà-di mang bánh về phòng, mời các Tỳ-kheo khác cùng ăn. Các Tỳ-kheo hỏi: “Thứ bánh này rất ngon, ở đâu mà có được vậy? Loại này không phải là bánh làm ở nhà”.

Ưu-đà-di đáp: “Này các Trưởng lão! Trong đây lợi ít mà lỗi nhiều”.

Các Tỳ-kheo bèn hỏi: “Vì sao nhiều lỗi?”.

Đáp: “Tôi tạo nhân duyên như vậy như vậy cho nên nhiều lỗi”

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-đà-di đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi: “Ông có làm như vậy thật chăng?”.

Thầy đáp: “Có thật như vậy, bạch Thế Tôn”.

Phật khiển trách: “Đó là việc xấu. Từ nay về sau, đừng tiền buộc vào chéo y, Ta cũng không cho”.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Vì năm việc lợi ích, nên Thế Tôn cứ năm hôm đi quan sát phòng ở của các Tỳ-kheo một lần, bỗng thấy một Tỳ-kheo mang bệnh huỳnh đặng ốm yếu. Phật biết mà vẫn hỏi: “Tỳ-kheo! Thầy có nhẫn chịu được nỗi khổ được chăng? Thầy có sống yên ổn chăng?”.

Thầy ấy đáp: “Bạch Thế Tôn! Con không được yên ổn, bị bệnh

tật khổ não”.

Phật liền hỏi thầy: “Ông không thể đòi hỏi thức ăn hợp với bệnh, thuốc hợp với bệnh được sao?”

Thầy đáp: “Con nghe Thế Tôn chế giới Tỳ-kheo không được tự tay cầm sinh sắc, tợ sắc, lại không có ai đưa cho con, nên con phải chịu khổ não”.

Phật liền nói: “Từ nay về sau, ta cho phép người bệnh được quyền sai tịnh nhân cất tiền bạc, nhưng chớ có tham vương”.

Thế rồi, Phật truyền cho các Tỳ-kheo tại thành Ca-duy-la-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

“Nếu Tỳ-kheo tự tay cầm sinh sắc, tợ sắc hoặc sai người cầm nắm với ý tham trước thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề”.

GIẢI THÍCH:

(Một số từ đã được giải thích ở trước)

- Sinh sắc: Chỉ cho vàng.

- Tợ sắc: Chỉ cho bạc.

- Sinh sắc tợ sắc: Chỉ cho các loại tiền tệ dùng ở thị trường.

- Cầm: Hoặc tự mình cầm, hoặc bảo người khác cầm.

- Nắm: Hoặc tự mình nắm, hoặc bảo người khác nắm.

- Tham vương: Suy nghĩ như sau: “Ta sẽ dùng vật này để đạt được năm thứ dục lạc như: Sắc, thanh, hương, vị, xúc”. Đó gọi là tham trước.

- Không tham vương: Như vị Tỳ-kheo trì giới thanh tịnh tự gánh lương thực như bún, bánh, gạo, bột gạo v.v... khi ấy, suy nghĩ: “Ta không có phương tiện nào khác nên bắt buộc dĩ phải dùng đến thức ăn này”. Trái lại, nếu đối với các vật bất tịnh này mà tưởng là những vật thanh tịnh, như sau: “Ta sẽ thọ dụng những thứ này”, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

- Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Các thứ tiền, vàng bạc này phải đem thí xả giữa chúng Tăng, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không thí xả mà sám hối thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Các thứ vàng bạc hay tiền, hoặc nhiều, hoặc ít, hoặc thuần, hoặc tạp, hoặc đã làm thành dụng cụ, khi đem thí xả giữa chúng Tăng, thì Tăng không nên cho lại Tỳ-kheo ấy, cũng không được phân chia. Nếu nhiều thì nên bỏ vào quỹ tiết kiệm. Sau khi bỏ vào quỹ tiết kiệm, nếu sinh lợi tức, thì được dùng nó làm phòng xá, sắm y, mà không được mua sắm thức ăn.

Tỳ-kheo khi nhận được tiền, và sau mùa an cư xong nhận được tiền sắm y, không được đưa tay cầm lấy mà phải nhờ tịnh nhân lấy giúp.

Nếu không có tịnh nhân thì hãy bảo thí chủ bỏ dưới đất bên cạnh chân mình. Sau đó, mình dùng cỏ, lá, gạch, ngói tử lên trên, đợi tịnh nhân đến, chỉ cho họ thấy để họ cầm lấy. Nếu tịnh nhân không đáng tin cậy, thì bảo họ đi trước mình, và bảo để tiền tại nơi nào đó.

Nếu Tỳ-kheo làm tri sự trông coi việc của Phật, của Tăng có nhiều tiền vàng bạc để tại chỗ sinh địa thì nên chỉ cho tịnh nhân biết. Nếu để chỗ tử địa kín đáo thì hoặc tự mình đào lấy, hoặc sai Tỳ-kheo trẻ tuổi đào lấy. Nếu tịnh nhân không đáng tin, thì nên dùng khăn bịt mắt họ ba vòng, rồi mới dẫn đến chỉ cho họ biết chỗ đất, sau đó chỉ cho biết hầm để tiền, và cứ để mắt bị bịt như thế bảo đi khỏi nơi đó. Nếu tiền rơi trên bờ hầm, thì được dùng ngói gạch gạt cho tiền rơi xuống hầm, và được tự tay đập nắp hầm lại. Sau đó khi cần lấy, nếu là chỗ sinh địa thì chỉ cho tịnh nhân biết; nếu là chỗ tử địa thì được tự tay đào lên cho đến khi gặp tiền, bèn sai tịnh nhân đến lấy. Nếu tịnh nhân không đáng tin thì phải bịt mắt y ba vòng rồi dẫn đến lấy. Nếu trong cái khăn gói để trên đầu cây gậy có vàng, bạc, tiền thì không được tự tay cầm lấy mà nên bảo cho tịnh nhân biết. Nếu tịnh nhân bé nhỏ không sờ tới thì được bồng y lên khiến y lấy. Khi bồng y nên nói như sau: “Tôi bồng tịnh nhân, tôi bồng tịnh nhân”. Lúc đem gói đồ xuống rồi phải bảo y mở ra. Nếu y không biết mở thì được phép cầm tay y chỉ cho y mở. Khi mở xong bảo y đếm. Nếu y không biết đếm thì được phép cầm tay y mà đếm. Khi đếm xong, số còn thừa bảo y bỏ lại vào túi. Nếu y không biết cầm bỏ vào túi, thì được phép cầm tay y dạy y bỏ vào túi. Khi bỏ vào túi xong nên bảo tịnh nhân buộc túi lại. Nếu tịnh nhân không biết buộc, thì bảo y nâng cái đáy túi, rồi Tỳ-kheo tự tay mình buộc. Khi buộc xong nên đem để lại trên đầu gậy như trước. Nếu tịnh nhân thấp để không tới thì Tỳ-kheo được phép bồng y lên.

Nếu kho lẫm, rương, tủ để trên gác, trên cột trụ, thì khi lấy, khi mở ra, khi đập lại cũng như thế.

Nếu khi đi đường, tịnh nhân mang vàng bạc, mà y còn bé, thì ta được phép dùng tay dắt y đi. Nếu khi lội nước, thì ta được phép dìu y lội qua, nhưng phải nói: “Tôi dìu tịnh nhân, tôi dìu tịnh nhân”.

Nếu Tỳ-kheo dẫn tịnh nhân theo, lúc đi qua đò mà y còn bé không lên đò được, thì Tỳ-kheo được phép đỡ y lên đò, nhưng phải nói: “Tôi đỡ tịnh nhân, tôi đỡ tịnh nhân”. Khi xuống đò, cũng như vậy. Trên

đường đi, Tỳ-kheo dừng lại ở trên bờ sông, bên giếng hoặc trên ao hồ để ăn uống nghỉ ngơi, rồi lúc ra đi, tịnh nhân để quên túi xách. Bấy giờ, có vị Trưởng lão Tỳ-kheo đi sau, xem có ai để quên vật gì không, thì thấy có một gói đồ sót lại, bèn suy nghĩ: “Cái này ắt là của vị Tỳ-kheo kia”, bèn cầm lấy mang đi, khi đi kịp chúng bạn, bèn hỏi: “Vật này của ai vậy?”. Lúc ấy có người nói: “Đó là gói đồ của tịnh nhân”. Vị Trưởng lão bèn bỏ gói đồ xuống đất. Bấy giờ, tịnh nhân nên cầm lấy mang đi, nhưng không được gọi tên gói đồ.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi đường với tịnh nhân, khi đêm đến dừng nghỉ tại một chỗ, rồi tờ mờ sáng ra đi. Bấy giờ, tịnh nhân cầm nhầm gói đồ của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cầm nhầm gói đồ của tịnh nhân. Khi đến nơi, Tỳ-kheo mới nhận ra gói đồ mình cầm là của Tịnh nhân, thì nên bỏ xuống đất, và tịnh nhân phải đến lấy mà không được gọi tên gói đồ (tức không được gọi là túi đựng bạc).

Nếu Tỳ-kheo nhiều vàng, bạc, tiền bị mất, và nghi bị rơi ở bên cạnh giường, nên muốn tìm lại, thì khi rời khỏi giường, phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu tìm lại được thì phạm tội Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo có nhiều tiền bạc, nghi là cất trong mền len, nên định tìm kiếm thì khi mở chiếc mền ra, phạm tội Việt tỳ-ni. Khi được tiền, phạm tội Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo có nhiều tiền bạc, nghi bị rơi trên đất, muốn tìm kiếm thì khi cầm chổi quét đất, phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu tìm lại được, thì phạm tội Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo có nhiều tiền bạc, nghi bị rơi trong đồng rác, nên định tìm kiếm, thì khi bươi đồng rác, phạm tội Việt tỳ-ni, khi được tiền phạm tội Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo lâm bệnh, có đàn-việt cúng dường tiền thuốc, vì bệnh nên được nhận tiền, đem cất dưới mền. Khi cần tìm lấy, nhưng vì trong tối mắt không trông thấy, dùng tay sờ đụng tiền, thì không có tội.

Nếu đàn-việt làm giường ghế mới bằng vàng bạc, vì có lòng tin, nên muốn để Tỳ-kheo sử dụng trước nhất, rồi Tỳ-kheo nói: “Tôi là người xuất gia, luật không cho phép dùng”. Đàn-việt lại nói: “Tôn giả vì tôi mà khai thông có được thọ dụng không?” Tỳ-kheo nên nói: “Hãy xếp một tọa cụ cho dày lót lên, thì tôi mới ngồi được”. Nhưng khi Tỳ-kheo ngồi rồi thì không được lay động cái giường, cũng không được khen ngợi.

Nếu đàn-việt làm xe, máy móc mới bằng vàng bạc, vì có tín tâm nên muốn để Tỳ-kheo sử dụng trước tiên, khi ấy Tỳ-kheo nói: “Tôi là

người xuất gia luật không cho phép sử dụng vật ấy”. Người kia lại nói: “Tôn giả hãy vì tôi mà phương tiện khai thông thọ dụng giúp cho”. Tỳ-kheo nên bảo: “Nếu trên xe có lót lá cây, hoặc lót tấm vải lên trên, thì tôi mới đặt chân lên được”. Nhưng sau khi đặt chân lên, không nên động chân, cũng không được khen ngợi.

Có người đàn-việt làm cái mâm vàng bạc, vì có tín tâm nên muốn để Tỳ-kheo sử dụng trước nhất, Tỳ-kheo nói: “Tôi là người xuất gia, không được phép dùng vật ấy”.

Người kia nói: “Tôn giả có thể vì tôi mà khai thông phương tiện thọ dụng được không?”. Tỳ-kheo nên nói: “Nếu dùng cỏ, lá cây hay tấm vải phủ lên trên đó thì có thể được”. Nhưng không được dùng tay cầm mà nên bảo họ bưng để xuống đất.

Nếu đàn-việt làm chén bát mới bằng vàng bạc, vì tín tâm nên muốn nhờ Tỳ-kheo sử dụng trước nhất. Rồi Tỳ-kheo nói: “Tôi là người xuất gia không được phép dùng nó”. Người ấy lại nói: “Tôn giả có thể vì tôi mà khai thông phương tiện thọ dụng được không?”. Tỳ-kheo nên đáp: “Người nên rửa sạch, đặt trên mâm, đem thức ăn bỏ vào, rồi đưa tay chỉ bát nói: “Dùng, dùng...”. Nói ba lần như vậy, đó gọi là dùng. Nhưng khi ăn, Tỳ-kheo chỉ ăn thức ăn trong bát, không được động đến xung quanh bát.

Nếu ngày mồng tám tháng tư hay các ngày đại hội cúng dường, tất cả các tháp, tượng Bồ-tát, cờ phướn, lọng báu, những dụng cụ cúng dường ấy có thếp vàng bạc thì Tỳ-kheo không được cầm đến mà nên bảo tịnh nhân cầm. Nếu bị rơi xuống đất, thì nên cầm chỗ nào không có vàng bạc nhặt lên. Nếu được thếp vàng khắp cả thì nên dùng vải bọc tay rồi mới cầm. Nếu không có vật gì bọc tay mà trên tượng có chỗ chứa thếp vàng thì nên cầm chỗ ấy. Tất cả các thứ như lư hương, đèn, cán phát trần mà có thếp vàng, đều không được cầm. Khi tắm rửa tượng Bồ-tát bằng vàng bạc thì không được tự tay mình tắm mà phải bảo tịnh nhân làm. Vào những ngày đại hội, Tỳ-kheo bảo tịnh nhân lấy ra các tượng bằng vàng bạc, Tỳ-kheo chỉ được đỡ giúp tịnh nhân, không được cầm. Và trên tượng có thếp vàng, Tỳ-kheo không được trước cầm rồi sau thả ra. Tùy theo mỗi nước, có nước dùng tiền bằng đồng, hoặc tiền bằng vỏ ốc, hoặc tiền bằng sắt, hoặc tiền bằng hồ dao, hoặc tiền bằng thẻ tre, hoặc tiền bằng da... Tất cả các loại tiền ấy, Tỳ-kheo không được cầm. Hoặc có những nước người ta sử dụng tiền tệ mà chưa thành hình tướng của tiền tệ, Tỳ-kheo cầm nó thì phạm tội Việt tỳ-ni. Có những nước người ta dùng loại tiền tệ không có hình dạng của tiền tệ, mà Tỳ-kheo

cầm nó thì phạm tội Việt tỳ-ni. Có những nước người ta dùng loại tiền tệ có hình dạng của tiền tệ mà Tỳ-kheo cầm nó thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Có những nước người ta dùng loại tiền tệ không có hình dáng của tiền tệ, Tỳ-kheo xem nó như loại đồng, sắt mà cầm, thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới Ni-tát-kỳ mười tám)